

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
VINACONEX CORPORATION
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2
NEDI2 JOINT STOCK COMPANY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence - Freedom – Happiness

Số/No: 55/2025/CV-NEDI2
V/v: CBTT Báo cáo thường niên năm
2024/ Re: Announcement of information
on the 2024 Annual Report

-----oO-----
Lào Cai, ngày 10 tháng 03 năm 2025
Lao Cai, dated 10 month 03 year 2025

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
State Securities Commission
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Hanoi Stock Exchange

1. Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2/ Company name:
Northern Electricity Investment and Development Joint Stock Company 2

2. Mã chứng khoán/ Stock code: ND2

3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt
Nam/ Head office address: San Bang Village, Ban Vuoc Commune, Bat Xat District, Lao Cai
Province, Vietnam.

4. Điện thoại/ Tel: 0214 3868 928 Fax: 0214 3868 928

5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Đỗ Vương Cường Tổng Giám đốc Công ty Người
đại diện theo Pháp Luật/ Person making information disclosure: Mr. Do Vuong Cuong,
General Director of the Company, Legal Representative.

6. Nội dung công bố thông tin/ Content of the information disclosure:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển
Điện Miền Bắc 2/ Announcement of information on the 2024 Annual Report of Northern
Electricity Investment and Development Joint Stock Company 2.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty tại đường
dẫn <http://nedi2.com.vn> của Công ty/ The website address to publish the full 2024 Annual
Report of the company is at the following link <http://nedi2.com.vn> the Company.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách
nhiệm trước Pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/ We hereby commit that the
information published above is true and we are fully responsible before the Law for the
content of the published information.

Nơi nhận/ Recipient:

- Như kính gửi/ As submitted ;
- Lưu TCHC/ Save administrative organization.

Người đại diện theo Pháp luật
Legal Representative



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Vương Cường

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX
CÔNG TY CỔ PHẦN NEDI2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 24 /2025/BC-NEDI2

Lào Cai, ngày 10 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2024

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN ĐIỆN MIỀN BẮC 2
- Tên tiếng anh: NORTHERN ELECTRICITY DEVELOPMENT AND INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY NO2- NEDI 2.,JSC
- Tên viết tắt: NEDI2
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300 21 55 27 – do Sở KHĐT tỉnh Lào Cai cấp thay đổi lần 12 ngày: 30/05/2023.
- Vốn điều lệ: 500 tỷ VNĐ
- Địa chỉ: Thôn San Bang, Xã Bản Vược, Huyện Bát Xát, Tỉnh Lào Cai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02143 868 928
- Số fax: 02143 868 928
- Website: nedi2.com.vn
- Mã cổ phiếu: ND2
- Quá trình hình thành và phát triển:

Được thành lập ngày 06 tháng 05 năm 2004, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 (NEDI2) là công ty thành viên đầu tiên của Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư phát triển năng lượng. Kế thừa nhiều kinh nghiệm quý báu trong lĩnh vực đầu tư của Vinaconex, một Tổng Công ty đa doanh hàng đầu của ngành xây dựng Việt Nam, NEDI2 tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu vào lĩnh vực đầu tư thủy điện.

Năm 2010 Công ty hoàn tất việc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Năm 2014: Công ty khánh thành Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.

Năm 2020: Hoàn thành - phát điện Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát mở rộng.

Công ty đã và đang sáng tạo không ngừng để vượt qua thách thức, tận dụng cơ hội nhằm tạo ra nền tảng phát triển doanh nghiệp một cách nhanh chóng và bền vững.

Trải qua những năm tháng trưởng thành và phát triển, từng bước tạo dựng uy tín và thương hiệu của mình trên thị trường, luôn coi trọng yếu tố con người, NEDI2 hiện nay có đội ngũ cán bộ, kỹ sư với kiến thức chuyên môn sâu và giàu kinh nghiệm, được các đối tác trong và ngoài nước tôn trọng, đánh giá cao và tin cậy thiết lập quan hệ hợp tác lâu dài.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

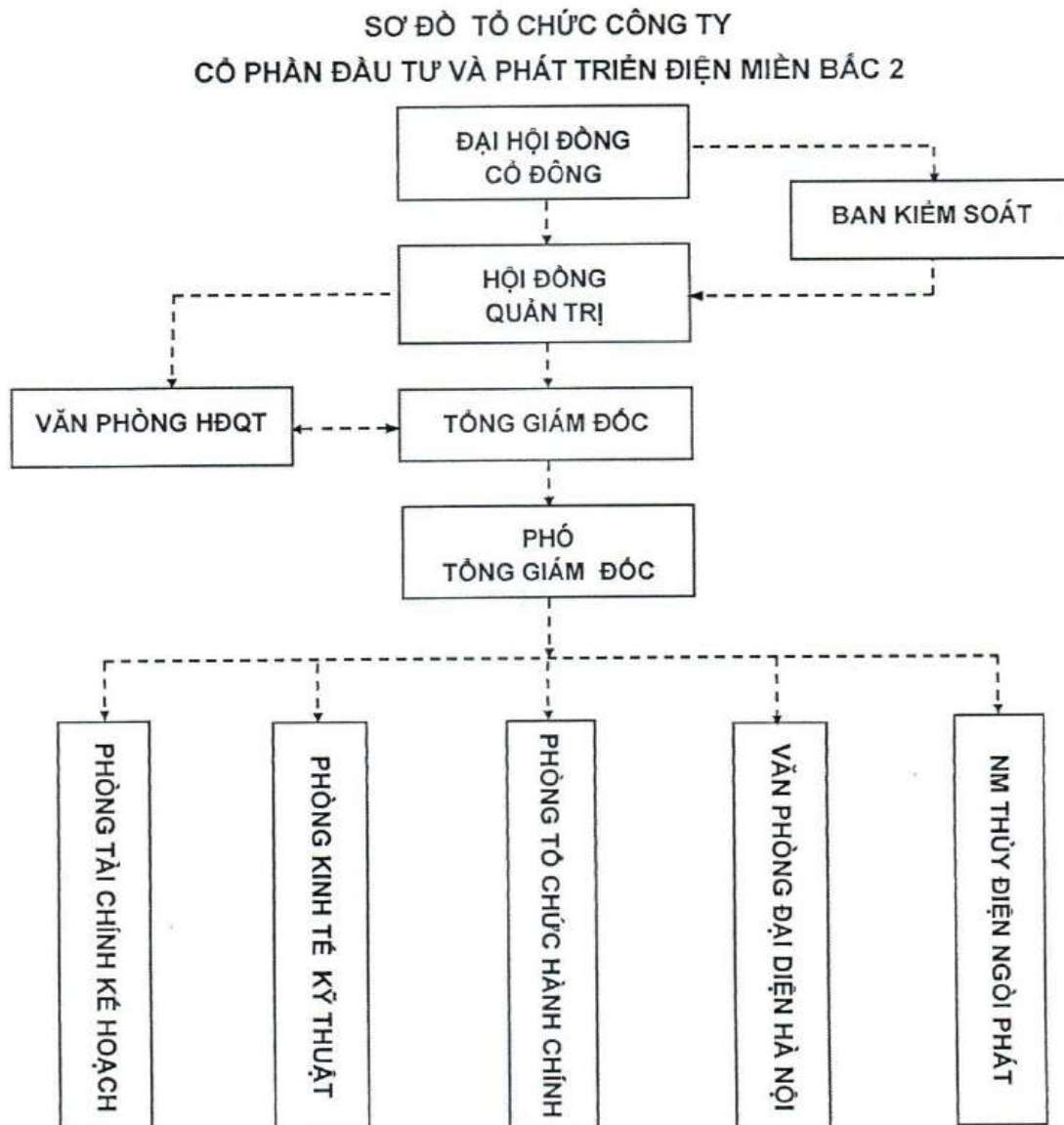
- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành	Ghi chú
1	Sản xuất điện	3511	Ngành nghề KD chính
2	Xây dựng các công trình điện	4221	

- Địa bàn hoạt động hiện nay: Tại nhà máy Thủy điện Ngòi Phát thuộc xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị Công ty



- Cơ cấu bộ máy quản lý:

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 được tổ chức và điều hành theo mô hình công ty cổ phần bao gồm: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc và tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

a. Đại hội đồng cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	43.044.461	86,1%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	Thẻ nhân và pháp nhân khác	6.949.499	13,9%	
	Tổng cộng	49.993.960	100,00%	

b. Hội đồng quản trị:

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LL CT	NN	
1	Dương Văn Mậu	1978		Cầu Giấy, Hà Nội	1	KS XD Dân dụng & CN, Th.s QTKD			Chủ tịch
2	Vũ Mạnh Hùng	1977		Đống Đa, Hà Nội	1	Th.s Kinh tế về TC ngân hàng, CN Luật			Ủy viên
3	Vũ Đức Thịnh	1979		Thanh Xuân Bắc, Hà Nội	1	CN Kinh tế, Th.s QTKD			Ủy viên
4	Katsuhito Miyajima	1967		Saitama, Nhật Bản		CN Kinh tế Quốc tế			Ủy viên
5	Yusuke Takahashi	1988		Aichi, Nhật Bản		CN Kinh tế			Ủy viên

c. Ban Kiểm soát:

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên(1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh đảm nhận
		Nam	Nữ			CM	LL CT	NN	
1	Vũ Văn Mạnh	1972		Thanh Xuân, Hà Nội		KS Kinh tế, Th.s QTKD, CN			Trưởng BKS

						ngành Kế toán			
2	Nguyễn Thị Quỳnh Trang		1979	Thanh Xuân, Hà Nội		CN KT-Kế toán, Th.s Kinh tế			Thành viên
3	Lê Thanh Hải	1979		Hai Bà Trưng, Hà Nội		Kỹ sư Điện – Tự động hóa, Th.s Quản trị DN			Thành viên

d. Ban Tổng Giám đốc:

- Tổng Giám đốc Công ty :

Họ và tên : Đỗ Vương Cường
 Chức vụ : Tổng Giám đốc Công ty
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 17 tháng 01 năm 1980
 CMTND/CCCD : Số: 001080016869 Ngày cấp: 17/12/2022 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 Trình độ văn hoá : 12/12
 Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ QTKD

- Phó Tổng Giám đốc :

Họ và tên : Ngô Mạnh Cường
 Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc Công ty
 Giới tính : Nam
 Ngày sinh : 07/04/1975
 CMTND/CCCD : Số: 019075008037 Ngày cấp: 29/07/2022
 Quốc tịch : Việt Nam
 Dân tộc : Kinh
 Địa chỉ thường trú : Tòa S2, Vinhomes SkyLake Phạm Hùng, Nam Từ Liêm, HN
 Trình độ văn hoá : 12/12

Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

4. Định hướng phát triển

- Vận hành sản xuất an toàn, tin cậy, bền vững; tối ưu hóa tất cả các khâu sản xuất đảm bảo hiệu quả, nâng cao lợi nhuận cho cổ đông, nâng cao giá trị và thương hiệu doanh nghiệp.
- Nâng cao hiệu quả quản lý, nghiên cứu áp dụng các công nghệ, kỹ thuật mới để hỗ trợ công tác quản trị doanh nghiệp.
- Thực hiện các công việc theo yêu cầu (nếu có) của Vinaconex/TTC để hỗ trợ chiến lược đầu tư phát triển năng lượng tại Việt Nam.

5. Các rủi ro: Do thiên tai, hỏa hoạn... v.v không lường trước được (bất khả kháng xảy ra).

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình thời tiết cả năm 2024 có diễn biến phức tạp, trái chiều: Từ tháng 1-4 hạn hán gay gắt, mực nước các sông suối ở mức thấp, sang tháng 5 lượng mưa được cải thiện, từ đó tháng 6 đến đầu tháng 10 cả khu vực Tây Bắc liên tục có mưa lớn cục bộ, điển hình đợt mưa từ đêm 08-10/9 (do ảnh hưởng của siêu bão Yagi) gây lũ lớn, sạt lở đất đất nghiêm trọng cho các tỉnh Tây Bắc, đặc biệt là Lào Cai nên ảnh hưởng lớn đến việc phát điện của các nhà máy thủy điện trong đó có Ngòi Phát. Từ tháng 11-12/2024 lượng mưa thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm dẫn đến việc phát điện gặp nhiều khó khăn.

1.1. Tình hình vận hành sản xuất:

- Nhà máy vận hành ổn định, an toàn cả 4 tổ máy, không có sự cố chủ quan, đạt công suất khi đủ nước; công tác phối hợp với điều độ EVN tốt nên được vận hành liên tục, tối ưu giá thị trường, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...
- Mặc dù bão Yagi trong tháng 9 gây hậu quả nặng nề, xong do Công ty chủ động, nỗ lực phòng chống nên bảo đảm an toàn tài sản Công ty, không xảy ra tổn thất về người, khắc phục thiệt hại và vận hành phát điện trở lại sau 10 ngày với công suất tối đa.
- Kết quả sản lượng điện thương phẩm thực hiện năm 2024 như sau:

(Kwh)	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ thực hiện
Sản lượng điện thương phẩm	356.478.829	408.682.561	399.292.943	97,7%

- Về công tác thị trường điện: Tỷ lệ tham gia thị trường điện năm từ năm 2023 đến 2024 của Công ty ổn định là 2%. Mặc dù sản lượng điện không đạt như kỳ vọng nhưng lợi nhuận tham gia thị trường điện năm 2024 đạt 3.354 triệu đồng so với kế hoạch 2.000 triệu đồng.

1.2. Công tác bảo trì sửa chữa, khắc phục tồn tại và các công tác khác:

- Về công tác bảo trì sửa chữa, Công ty hoàn thành bảo dưỡng toàn bộ hệ thống thiết bị khu đập đầu mối, phục hồi ổ hướng TGB dự phòng, các tổ máy H1-H2-H3; đèn bù/phát quang hành lang tuyến đường dây, trạm ngăn lộ và các cơ sở sản xuất khác; nạo vét bồi lắng sau lũ tại kênh xả hạ lưu, khắc phục sạt lở giao thông các tuyến VH1-VH2, Bản Xèo, San Bang - Mường Vi và các công trình sau bão số 3 (Yagi); hoàn thành đại tu tổ máy H2 trước hạn.

- Về công tác cải tiến kỹ thuật, tối ưu công nghệ: Công ty đã triển khai các công việc theo kế hoạch, hoàn thiện nâng cấp hệ thống DSC, hệ thống SCADA tổ máy H1-H2-H3, triển khai hệ thống HNT từ tháng 1/2024, đánh giá ISO nội bộ, cải tạo cải tiến một số thiết bị, xây dựng phương thức chia sẻ thông tin thủy văn trên hệ thống thủy điện bậc thang sông Ngòi Phát...
- Về công tác bảo đảm an toàn, PCCC, phòng chống thiên tai: Công ty đã kiện toàn Ban An toàn vệ sinh lao động, Ban phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, thành lập đội PCCC cơ sở; kiểm định thiết bị an toàn cao, thiết bị PCCC đúng hạn.

1.3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng điện thương phẩm (tr.kwh)	408,7	399,3	97,7%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	373.455	366.782	98,2%
3	Tổng chi phí (triệu đồng)	209.806	195.999	93,4%
4	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	163.648	170.783	104,4%
5	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	155.466	161.806	104,1%

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành:

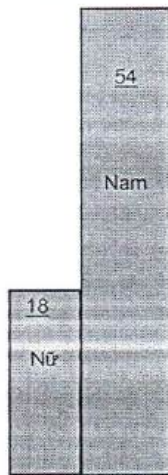
STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Đảng viên (1: có/0: không)	Trình độ			Chức danh	Sở hữu CP tại công ty
		Nam	Nữ			CM	LLC T	N N		
1	Đỗ Vương Cường	1980		Hà Nội	1	CN Kinh tế, Th.s QTKD	Sơ cấp		TGD	0
2	Ngô Mạnh Cường	1975		Thanh Hóa	1	KS Cơ khí	Sơ cấp		PTGD	1.000
3	Đình Tuấn Anh	1977		Ninh Bình	1	CN Kế toán	Sơ cấp		KTT (Miễn nhiệm ngày 01/03/2024)	300.000
4	Vũ Thái Dương	1974		Hà Nội	1	Cử nhân Tài chính-Tín dụng	Sơ cấp		KTT (Bổ nhiệm ngày 01/03/2024)	

- Những thay đổi trong Ban Điều hành năm 2024:
- + Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Đinh Tuấn Anh kể từ ngày 01/03/2024;
- + Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Vũ Thái Dương kể từ ngày 01/03/2024.
- Số lượng CBNV trong Công ty và cơ cấu lao động:

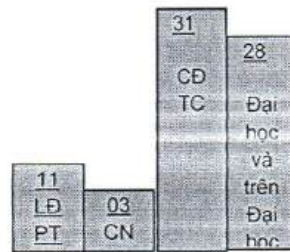
Giới	Số lao động tại thời điểm 31/12/2024	Loại hợp đồng lao động	Số Lao động
Nam	54	Không thời hạn	53
Nữ	18	Có thời hạn	19
Tổng	72	Theo mùa vụ	00

Trình độ lao động	Số lao động tại thời điểm báo cáo
Đại học và trên đại học	28
Cao đẳng, Trung cấp	31
CNKT	03
Lao động phổ thông	11

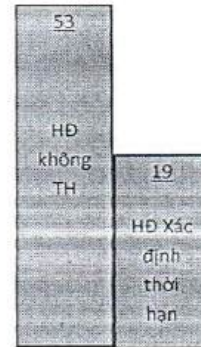
Biểu đồ cơ cấu lao động theo giới, theo trình độ và theo loại hợp đồng lao động



Biểu đồ LĐ theo giới



Biểu đồ LĐ theo trình độ



Biểu đồ loại HĐLĐ

- Nhận xét về cơ cấu lao động theo từng phân loại:

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2 là doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp, là đơn vị Chủ đầu tư có nhiệm vụ quản lý vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát và Nhà máy thủy điện Ngòi Phát mở rộng đảm bảo an toàn, ổn định, hiệu quả và tin cậy.

- + Nguyên nhân (đặc điểm của ngành) dẫn tới cơ cấu trên: Nhiệm vụ chính của Công ty là đảm bảo vận hành Nhà máy ổn định, an toàn an ninh, tin cậy. Do đặc thù của Công ty là vận hành Nhà máy thủy điện nên cơ cấu lao động trên là hợp lý.

- + Cơ cấu trên có ảnh hưởng gì tới chính sách với người lao động: Cơ cấu gọn và tinh của bộ máy quản lý điều hành tạo điều kiện cho CBNV phát huy được vai trò cá nhân trong công việc được giao, mặt khác Lãnh đạo Công ty sẽ có điều kiện quan tâm chu đáo các chế độ chính sách đối với người lao động, tạo điều kiện cho người lao động yên tâm công tác và cống hiến phục vụ lâu dài cho Công ty.
- Chính sách đối với người lao động:
 - ❖ Chính sách lương, thưởng:
 - + Giới thiệu về hệ thống thang bảng lương của Công ty: Công ty thành lập theo Luật Doanh nghiệp và mọi chế độ chính sách của người lao động trong công ty được áp dụng theo quy định hiện hành của Bộ luật lao động. Hệ thống thang bảng lương, chính sách tiền lương áp dụng theo quy định tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Chính phủ và thang bảng lương do Công ty xây dựng áp dụng kể từ 01/01/2017.
 - + Phụ cấp của Ủy viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát không chuyên trách được Công ty trình Đại hội đồng cổ đông hàng năm phê duyệt ở mức phù hợp và đảm bảo.
 - + Bảng lương CBNV toàn Công ty xây dựng theo hướng dẫn tại Nghị định 49/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và TT 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22/4/2015 của Chính phủ.
 - + Việc thực hiện chế độ đối với người lao động (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế...): Công ty thực hiện 100% CBNV làm việc tại Công ty đều tham gia trích nộp BHXH, BHYT và lập sổ BHXH, cấp thẻ BHYT cho CBNV theo quy định của Luật BHXH, BHYT.
 - + Các chính sách khuyến khích vật chất: Ngoài chế độ tiền lương hàng tháng Công ty chi thêm tiền thưởng nhân dịp ngày lễ tết, tiền ăn trưa cho CBNV, trang bị quần áo đồng phục và tổ chức thăm quan, nghỉ mát, tặng quà sinh nhật cho CBNV Công ty.
 - ❖ Chính sách đào tạo:
 - + Công tác đào tạo thường xuyên và đạo tạo bổ sung: Hàng năm Công ty lập kế hoạch đào tạo các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho CBNV Công ty theo các lĩnh vực Công ty có nhu cầu. Kinh phí đào tạo, tiền lương đi học Công ty chi trả 100%.
 - + Các chính sách khuyến khích người lao động tự đào tạo: Các đối tượng CBNV có nguyện vọng tự học nâng cao nghiệp vụ, trình độ chuyên môn được Công ty cân đối bố trí, tạo điều kiện về thời gian và xem xét hỗ trợ kinh phí đào tạo/khóa học.
 - ❖ Chính sách trợ cấp:
 - + Lãnh đạo Công ty phối hợp với BCH Công đoàn Công ty có chính sách hỗ trợ kinh phí cho các đối tượng CBNV có hoàn cảnh khó khăn, neo đơn, gặp thiên tai, tai nạn rủi ro...
 - ❖ Mức lương bình quân: Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong Công ty năm 2024 là 17,6 triệu đồng/người/tháng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án: Không có Dự án mới

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	Chênh lệch tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.555.505	1.482.273	(73.232)
Doanh thu thuần	325.481	364.974	39.493
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	111.690	169.294	57.604
Lợi nhuận khác	228	1.489	1.261
Lợi nhuận trước thuế	111.918	170.783	58.865
Lợi nhuận sau thuế	107.055	161.806	54.751
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	25%	5%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	2023	2024	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,55	0,53	
+ Hệ số thanh toán nhanh:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	0,43	0,43	
/Nợ ngắn hạn			
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng nguồn vốn	0,50	0,43	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,0	0,77	Lấn
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			Sản xuất điện không có hàng tồn kho
+ Vòng quay hàng tồn kho:			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,21	0,25	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,33	0,44	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,19	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,07	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,34	0,46	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phiếu của Công ty	: 49.993.960 cổ phiếu
- Số cổ phiếu của Công ty đang lưu hành	: 49.993.960 cổ phiếu
Trong đó:	
+ Đã lưu ký	: 29.263.267 cổ phiếu
+ Chưa lưu ký	: 20.730.693 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông:

STT	Tên cổ đông	Số cổ phiếu (CP)	Tỷ lệ vốn thực góp (%)	Ghi chú
I	Các cổ đông pháp nhân	43.044.461	86,1%	
1	Tổng Công ty CP Xuất nhập khẩu và XD Việt Nam	25.546.575	51,1%	
2	Toyota Tsusho Corporation	17.497.886	35%	
II	Thế nhân và pháp nhân khác	6.949.499	13,9%	
	Tổng cộng	49.993.960	100%	

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

e. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a. Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm:

- Tổng số dầu thủy lực bôi trơn làm mát khoảng: 2.400 lít/ năm.

b. Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

6.3. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Năng lượng phục vụ sản xuất Nhà máy:

- Phần tiêu thụ của các phụ tải bao gồm hệ thống tự dùng Nhà máy, cung cấp về khu vực NGH và Nhà ở CBCNV trong quá trình ngừng máy (sản lượng nhận từ lưới 110kV thông qua đo đếm 175) là: 977.200 Mwh.
- Năng lượng phục vụ khối văn phòng và phục vụ sinh hoạt thống kê qua điểm đo đếm tự dùng tủ MDB1: 72.610 Mwh.

Ghi chú: Năng lượng phục vụ sản xuất trực tiếp và gián tiếp năm 2024 được xác định bằng chỉ số thực tế sử dụng.

6.4. Tiêu thụ nước (Mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a. Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Sử dụng nguồn nước của lưu vực suối Ngòi Phát, suối Ngòi Phát nằm phía hữu ngạn Sông Hồng thuộc tỉnh Lào Cai, bắt nguồn từ vùng núi cao nằm giữa hai huyện Phong Thổ, Lai Châu và huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, từ trên độ cao trên 3.000m chảy theo hướng chính Tây Nam - Đông Bắc đổ ra Sông Hồng ở cao độ khoảng 100m giữa hai xã Cốc Mỳ và Bản Vược, huyện Bát Xát, cách TP Lào Cai 25km về phía Tây Bắc.

- Phía thượng lưu Nhà máy:

+ Thủy điện Mường Hum (nhánh chính)

+ Suối Bản Xèo (nhánh phụ)

- Lượng nước sử dụng phát điện năm 2024 là: 585,341 triệu m³.

b. Tỷ lệ phần trăm và lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không tái sử dụng được.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số lao động của Công ty: 72 người.

- Mức lương trung bình đối với người lao động: khoảng 17,6 triệu đồng.

b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động.

- Khám sức khỏe định kỳ theo quy định.

- Các chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các đối tượng nằm trong nhóm lao động có công việc nặng nhọc, độc hại nguy hiểm.

- Được đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, BHTN...

- Tiền lương được trả đầy đủ trước ngày 10 hàng tháng.

- Thăm hỏi người lao động trong lúc ốm đau.

c. Hoạt động đào tạo người lao động:

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên:

Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động

STT	Nội dung đào tạo	Tính chất	Số lượt
1	AT – VSLĐ.	Định kỳ	Hàng năm
2	PCCN (PCCC tỉnh Lào Cai).	Định kỳ	Hàng năm
3	An toàn điện	Định kỳ	Hàng năm
4	Bảo vệ các chức danh vận hành	Định kỳ	Hàng năm
5	Bồi huấn nghiệp vụ thị trường điện		Hàng năm
6	Các lớp ngắn hạn (phục vụ quản lý)	Theo nhu cầu doanh nghiệp	

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhà nước.

Đào tạo, sát hạch các chức danh nâng cao trình độ chuyên môn	Năm 2024		
	LT	TT	ĐL
Trưởng ca	06	06	
Trưởng kíp	09	09	1
Trực gian máy	10	10	1
Trực CNN	5	5	1
SC ĐZ 110 KV	3	3	1
Điện tự động hóa	3	3	
Cơ khí thủy lực	4	4	
PCLB/PCCN/ATVSLĐ	55	55	

(Ghi chú: LT – Lý thuyết; TT – Thực tế; ĐL – Độc lập)

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng:

- Tạo công ăn việc làm cho CB-CNV địa phương đóng trên địa bàn;
- Trang bị, lắp đặt thiết bị cảnh báo lũ theo quy định của Bộ Công thương;
- Hỗ trợ chương trình Tết vì người nghèo do Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai phát động;
- Thực hiện hỗ trợ đầu tư công trình điện cho các thôn bản chưa có điện trên địa bàn tỉnh Lào Cai;
- Duy tu bảo dưỡng các tuyến đường giao thông: San Bang - Mường Vi; VH1; VH2 thuộc xã Bản Vược; đường Bản Xèo - Tuyến đập thuộc xã Bản Xèo;
- Hỗ trợ các phong trào, lời kêu gọi của địa phương trên địa bàn nhằm ủng hộ giúp đỡ các gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn, thiên tai... ổn định cuộc sống;
- Hỗ trợ gây quỹ hoạt động cộng đồng địa phương.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

- Về tổng quan, điều kiện thủy văn năm 2024 có thuận lợi hơn so với năm 2023, tuy nhiên tình hình thời tiết cả năm 2024 có diễn biến phức tạp, trái chiều: Từ tháng 1-4 hạn hán gay gắt, mực nước các sông suối ở mức thấp, sang tháng 5 lượng mưa được cải thiện, từ đó tháng 6 đến đầu tháng 10 cả khu vực Tây Bắc liên tục có mưa lớn cục bộ, điển hình đợt mưa từ đêm 08-10/9 (do ảnh hưởng của siêu bão Yagi) gây lũ lớn, sạt lở đất đá nghiêm trọng cho các tỉnh Tây Bắc, đặc biệt là Lào Cai nên ảnh hưởng lớn đến việc phát điện của các nhà máy thủy điện trong đó có Ngòi Phát. Từ tháng 11-12/2024 lượng mưa thấp hơn nhiều so với trung bình nhiều năm dẫn đến việc phát điện gặp nhiều khó khăn.
- Lưu lượng nước về hồ Ngòi Phát bình quân năm 2024 là 27,84 m³/s bằng 139,2% năm 2023 (20 m³/s) và bằng 102,34% trung bình lũy kế các năm từ 2016-2023 (27,203 m³/s).
- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024:

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành
1	Sản lượng điện thương phẩm (tr.kwh)	408,7	399,3	97,7%
2	Tổng doanh thu và thu nhập khác (triệu đồng)	373.455	366.782	98,2%
3	Tổng chi phí (triệu đồng)	209.806	195.999	93,4%
4	Lợi nhuận trước thuế (triệu đồng)	163.648	170.783	104,4%
5	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	155.466	161.806	104,1%

b. Những tiến bộ Công ty đã đạt được:

- Nhà máy đã vận hành 10 năm nên bộ máy quản lý, vận hành, sửa chữa đã đã có nhiều kinh nghiệm với tay nghề ngày càng cao nên thường xuyên có những cải tiến nâng cao độ tin cậy của vận hành, nâng cao hiệu quả phát điện,...
- Nhà máy nằm ở vị trí địa lý và điều kiện tự nhiên thuận lợi, ở khu vực đầu nguồn điện cung ứng cho khu vực Miền Bắc nên nhu cầu phụ tải cao và nằm ở bậc dưới cùng của suối Ngòi Phát nên tận dụng được nguồn nước từ hồ chứa của các nhà máy thủy điện bậc trên, góp phần duy trì ổn định sản lượng điện sản xuất của Nhà máy.
- Công tác quản lý điều hành không ngừng được cải thiện và được hỗ trợ rất tích cực từ các cổ đông lớn là Vinaconex và Toyota Tsusho.

2. Tình hình tài chính

Công ty duy trì cân đối tài chính thường xuyên, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tài chính chi trả chi phí sản xuất kinh doanh, khắc phục hậu quả bão lũ. Trong năm 2024, Công ty đã trả nợ gốc vay đầu tư 150 tỷ đồng, lãi vay ngân hàng 51,7 tỷ đồng, cổ tức 99.9 tỷ đồng (tỷ lệ cổ tức 20%) cho cổ đông đầy đủ đúng hạn

- Tình hình trả nợ gốc vay (Đơn vị tính: Triệu đồng).

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Dư nợ gốc vay đầu năm	760.420	
2	Vay ngắn hạn trong kỳ	178.759	
3	Đã trả nợ gốc vay	316.637	

4	Dư nợ gốc vay cuối kỳ (1+2-3)	622.542	Không có nợ xấu
---	-------------------------------	---------	-----------------

- Tình hình trả nợ lãi vay (Đơn vị tính: Triệu đồng).

STT	Nội dung	Số tiền	Ghi chú
1	Lãi vay đã trả	51.760	Thanh toán đúng kỳ

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ban lãnh đạo Công ty luôn tìm giải pháp hoàn thiện về cơ cấu tổ chức và đưa ra những chính sách hợp lý đáp ứng cho từng thời kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hàng năm xem xét, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận để có những điều chỉnh cho phù hợp.
- Cơ cấu tổ chức tinh gọn, không chồng chéo, chức năng nhiệm vụ rõ ràng và phân cấp quản lý từ Lãnh đạo Công ty đến các Phòng ban, đơn vị trực thuộc thống nhất quản lý điều hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Quản lý, vận hành Nhà máy Thủy điện Ngòi Phát đảm bảo an toàn, tin cậy và hiệu quả...
- Nâng cao công tác xây dựng kế hoạch vận hành, bảo trì sửa chữa phù hợp với sự tham gia có trách nhiệm và hiệu quả của các bộ phận chức năng Công ty.
- Nâng cao công tác nghiên cứu kỹ thuật, cải tiến Kaizen để nâng cao tuổi thọ nhà máy, hiệu quả phát điện.
- Phối hợp với các đơn vị của EVN để tối ưu sản lượng, giá điện và kịp thời thu hồi tiền điện.
- Nâng cao công tác quản lý mua sắm hàng dự phòng đảm bảo liên tục, hiệu quả, từng bước nâng cao chất lượng quản trị hàng dự phòng, tồn kho, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Đảm bảo cân đối đủ nguồn tiền để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và chi trả cổ tức.
- Nâng cao kỷ cương, kỷ luật và các nội quy, quy chế, nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.
- Đào tạo, sắp xếp và sử dụng tối ưu nhân sự của Công ty.
- Chăm lo tốt hơn nữa đời sống cho CBCNV, đảm bảo đầy đủ chế độ, phúc lợi cho người lao động.
- Tuân thủ các quy định của pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng thiết thực và hiệu quả.
- Tiếp tục tìm kiếm các dự án mới để thực hiện các mục tiêu phát triển năng lượng của Vinaconex/TTC.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2024 được đính kèm theo Báo cáo thường niên mục VI.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...): Tuân thủ thực hiện theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy:
- Quan trắc chất lượng môi trường định kỳ tại Nhà máy: 03, 06 tháng/lần/năm;
 - Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
 - Duy trì dòng chảy tối thiểu phía hạ lưu đảm bảo nước cho hệ sinh thái;

- Đối với các chất thải nguy hại: Như dầu thải, ắc quy, bóng đèn, rẻ lau... thu gom lưu kho và xử lý theo quy định của pháp luật;
 - Đối với các chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường: Phân loại, tập kết xử lý chôn lấp hợp vệ sinh.
- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Thực hiện đúng quy định của Nhà nước về việc sử dụng người lao động.
- Sử dụng lao động đúng mục đích tuyển dụng và đảm bảo quyền lợi của người lao động;
 - Người lao động được đào tạo bồi dưỡng chuyên sâu nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ công tác sản xuất của Nhà máy theo đúng quy định của Nhà nước;
 - Về thời gian làm việc:

Về thời gian làm việc:	Thời gian	Ghi chú
Bộ phận hành chính	Sáng: 8h00 đến 12h00 Chiều: 13h00 đến 17h00	
Bộ phận đi ca	K1: 7h00 đến 15h00 K2: 15h00 đến 22h00 K3: 22h00 đến 7h00	

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:
- Tạo công ăn việc làm cho CBCNV địa phương đóng trên địa bàn;
 - Trồng rừng thay thế hoàn nguyên sau thi công xong dự án;
 - Đóng thuế môi trường Rừng, Nước, Thuế GTGT... Công ty đều thực hiện đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định.

IV. Đánh giá chung của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

1.1. Về công tác tổ chức và hoạt động của HĐQT

- Trong năm 2024, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp HĐQT và 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ban hành 19 Nghị quyết/ Quyết định (tại các phiên họp trực tiếp hoặc xin ý kiến bằng văn bản) để thực hiện chức năng quản trị hoạt động của Công ty và chỉ đạo Ban điều hành trong việc thực hiện các nhiệm vụ SXKD được ĐHĐCĐ giao. Nội dung cụ thể của các Nghị quyết/Quyết định được thể hiện đầy đủ tại mục V. Quản trị công ty của báo cáo này.
- HĐQT chỉ đạo tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, Ban hành các Nghị quyết/Quyết định làm cơ sở để Ban điều hành triển khai.
- Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động SXKD năm 2024 theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2024, tuy gặp nhiều khó khăn do tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai phức tạp nhưng năm 2024 đã hoàn thành 104,1% kế hoạch lợi nhuận được ĐHĐCĐ phê duyệt.

1.2. Đánh giá kết quả SXKD của Công ty trong năm 2024

- Năm 2024 là một năm có diễn biến thời tiết, thiên tai phức tạp, có sự khác biệt lớn giữa mùa mưa và mùa khô so với trung bình nhiều năm dẫn đến việc phát điện gặp nhiều khó khăn.
- Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, không có sự cố chủ quan, đạt công suất khi đủ nước, tổng tổn thất, tự dùng năm 2024 đạt 4,39%. Phối hợp tốt với điều độ EVN nên được vận hành liên tục, tối ưu giá thị trường, giảm chi phí điện tự dùng, nâng cao tuổi thọ thiết bị...

- Đầu tháng 9, bão số 3 (Yagi) tràn vào miền Bắc gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến Nhà máy, lũ tràn mạnh về hồ kèm theo bùn đất, rác, cây cối khiến Nhà máy phải ngừng phát điện các tổ máy H1-H2-H3 trong 236 giờ (gần 10 ngày) và tổ máy H4 trong 92 giờ (gần 4 ngày) để khắc phục các thiệt hại sau bão. Sau khi khắc phục, cả 4 tổ máy đã hoạt động và phát điện trở lại.
- Về công tác thị trường điện: Công ty đã vượt doanh thu thị trường điện đạt 3,354/2 tỷ đồng.
- Về công tác bảo trì sửa chữa: Làm tốt công tác bảo trì sửa chữa thường xuyên thiết bị, xử lý kịp thời các sự cố và khắc phục khiếm khuyết của thiết bị: Hoàn thành công tác đại tu tổ máy H2 và tiểu tu tổ máy H1; Hoàn thành thay thế gioăng cánh phai sửa chữa van cung Đập đầu mối, sửa chữa phục hồi ổ hướng TGB dự phòng, thay thế gioăng cửa van hạ lưu, phát quang đèn bù hành lang tuyến đường dây 110KV, 35KV, trạm ngăn lộ 175... đáp ứng yêu cầu chất lượng, kỹ thuật và tiến độ, đảm bảo vận hành ổn định, tin cậy.
- Về công tác cải tiến: Hoàn thành nâng cấp hệ thống DSC/SCADA tổ máy H1-H2-H3; Hoàn thành lắp đặt và đưa vào sử dụng hệ thống đường ống dầu OPU; Lắp đặt bổ sung hệ thống quạt làm mát kiểm soát nhiệt độ bộ DVR tổ máy H4; Cải tạo hệ thống giám sát mực nước thượng lưu, tích hợp vào hệ thống Scada; Nâng cấp cầu trục gian máy; Cải tiến bộ trao đổi nhiệt dự phòng nóng của hệ thống làm mát GLOP tổ máy H4; Xây dựng phương thức chia sẻ thông tin thủy văn trên hệ thống thủy điện bậc thang sông Ngòi Phát...

Nhận định chung: Mặc dù gặp nhiều khó khăn do tình hình diễn biến thời tiết, thiên tai phức tạp nhưng với sự nỗ lực, phấn đấu của tập thể Ban điều hành và Cán bộ công nhân viên Công ty, cùng với sự lãnh đạo sáng suốt, kịp thời của Hội đồng quản trị và của các cổ đông lớn, năm 2024 Công ty NEDI2 đã hoàn thành 104,1% kế hoạch lợi nhuận và 100% kế hoạch cổ tức được Đại hội đồng cổ đông giao.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- Trong năm 2024, Ban điều hành, đứng đầu là Tổng Giám đốc, đã điều hành hoạt động SXKD của Công ty tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ và Đăng ký kinh doanh.
- Các thành viên trong Ban điều hành là những cán bộ có kinh nghiệm, năng lực, trình độ và tinh thần trách nhiệm. Tổng Giám đốc đã chỉ đạo triển khai đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; xây dựng cơ chế làm việc minh bạch, quyết liệt, phân quyền cụ thể để mỗi thành viên có thể phát huy tối đa tính chủ động, sáng tạo và chịu trách nhiệm trong lĩnh vực công tác được giao.
- Tổng Giám đốc thực hiện chế độ họp giao ban định kỳ hàng tuần/ tháng với các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng/ Phó các phòng, Lãnh đạo Nhà máy thủy điện Ngòi Phát; Tổng Giám đốc chỉ đạo các công việc hàng ngày của Công ty và triển khai các quyết định, nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ giao một cách triệt để - quyết liệt – kịp thời nhằm hoàn thành kế hoạch được giao.
- Hoạt động tài chính, quản lý dòng tiền thu - chi hiệu quả, minh bạch, đáp ứng yêu cầu SXKD, không để xảy ra nợ quá hạn với các tổ chức tín dụng.
- Duy trì kỷ cương kỷ luật lao động, tập trung quản trị nâng cao năng suất, hiệu quả công việc; sắp xếp và sử dụng tối ưu nguồn nhân lực, tiết giảm chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Duy trì chăm lo đời sống cho CBCNV, trả lương thưởng, đóng bảo hiểm và các chế độ xã hội đầy đủ kịp thời, thực hiện các chế độ phúc lợi hiệu quả như hỗ trợ kinh phí nghỉ mát, khám sức khỏe định kỳ, tuân thủ các quy định về môi trường làm việc, thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng dân cư tại xã Bản Vược, huyện Bát Xát và các chương trình xã hội do tỉnh Lào Cai phát động.
- Công tác quan hệ cổ đông, công bố thông tin tiếp tục được duy trì tốt.
- Duy trì tốt các hoạt động của Đảng ủy và Công đoàn Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trên cơ sở kết quả sản xuất kinh doanh từ năm 2015 đến năm 2024 và tinh thần đoàn kết – đồng lòng của Tập thể lãnh đạo Công ty – người lao động, HĐQT xác định một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện năm 2025 như sau:

- Tập trung chỉ đạo, phối hợp và giám sát Ban Tổng Giám đốc triển khai các giải pháp nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD năm 2025 được ĐHCĐ phê duyệt;
- Đổi mới mạnh mẽ công tác quản trị điều hành, tư duy, năng động, phát huy trí tuệ tập thể;
- Tập trung vận hành cụm nhà máy thủy điện Ngòi Phát hiệu quả, an toàn hệ thống, tiến hành cải tiến kỹ thuật nhằm vận hành nhà máy hiệu quả nhất;
- Phát triển quan hệ hợp tác với các đối tác thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN), các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp phát điện trên địa bàn để vận hành Nhà máy thủy điện Ngòi Phát đạt hiệu quả cao, đảm bảo an toàn, tin cậy;
- Tiếp tục thực hiện tốt trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
Vũ Mạnh Hùng	Thành viên	Thành viên không điều hành
Vũ Đức Thịnh	Thành viên	Thành viên không điều hành
Yusuke Takahashi	Thành viên	Thành viên không điều hành
Katsuhito Miyajima	Thành viên	Thành viên không điều hành

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CÓ QUYỀN BIỂU QUYẾT

Họ và tên	Đại diện phần vốn	Cổ phần cá nhân	Tỷ lệ
Dương Văn Mậu	12.546.575	0 CP	25,1%
Vũ Mạnh Hùng	6.500.000	0 CP	13%
Vũ Đức Thịnh	6.500.000	0 CP	13%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị của Công ty đã tiến hành họp 14 cuộc họp Hội đồng quản trị, thời gian cụ thể như sau:

STT	Số cuộc họp	Ngày, tháng	Nội dung
1	02/2024/BB-HĐQT	15/01/2024	Thông qua kết quả chào bán thanh lý 02 xe ô tô con của Công ty.
2	03/2024/BB-HĐQT	24/01/2024	Thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan.
3	04/2024/BB-HĐQT	20/02/2024	Họp và thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty.
4	05/2024/BB-HĐQT	29/02/2024	Kiện toàn nhân sự Kế toán trưởng của Công ty.
5	06/2024/BB-HĐQT	05/03/2024	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và dự kiến kế hoạch năm 2024.
6	07/2024/BB-HĐQT	14/03/2024	Thông qua các tài liệu trình ĐHCĐ 2024.
7	09/2024/BB-HĐQT	16/04/2024	Bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP NEDI2.
8	10/2024/BB-HĐQT	03/06/2024	Phê duyệt chuyển văn phòng đại diện Công ty tại Tầng 9 Tòa nhà Vinaconex 34 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội đến Tầng 7, Tòa nhà Vinaconex Diamond Tower số 459C Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội của Công ty.
9	11/2024/BB-HĐQT	20/06/2024	Phê duyệt việc ủy thác quản lý, sử dụng, khai thác diện tích văn phòng với Tổng Công ty CP Vinaconex.
10	12/2024/BB-HĐQT	29/07/2024	- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 06 tháng cuối năm 2024. - Thay đổi đăng ký kinh doanh văn phòng đại diện tại Hà Nội – Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Miền Bắc 2. - Vay vốn lưu động ngắn hạn phục vụ sản xuất kinh doanh.
11	13/2024/BB-HĐQT	04/09/2024	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm tài chính 2023.
12	14/2024/BB-HĐQT	28/09/2024	Bổ nhiệm lại chức vụ Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Nhà máy TĐNP của Công ty CP NEDI2.

13	15/2024/BB-HĐQT	24/10/2024	<p>- Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh 9 tháng năm 2024 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2024.</p> <p>- Báo cáo những ảnh hưởng, thiệt hại sau cơn bão số 3 – Yagi và trận lũ ngày 01/10/2024 và phương án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng nhà máy, phương án thanh thải hạ lưu chống ngập lụt nhà máy.</p>	
14	16/2024/BB-HĐQT	26/11/2024	<p>Phương án khắc phục những ảnh hưởng, thiệt hại sau cơn bão số 3 – Yagi và trận lũ ngày 01/10/2024 nhà máy Thủy điện Ngòi Phát.</p>	
STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Dương Văn Mậu	14	14/14	
2	Vũ Mạnh Hùng	14	14/14	
3	Vũ Đức Thịnh	14	14/14	
4	Kastuhito Miyajima	14	14/14	
5	Yusuke Takahashi	14	14/14	

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (năm 2024):

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
1	Số 01/2024/QĐ-HĐQT	09/01/2024	Gia hạn thời gian đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng Công ty
2	Số 02/2024/QĐ- HĐQT	26/01/2024	Chấp thuận Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và người có liên quan
3	Số 03/2024/QĐ-HĐQT	20/02/2024	Phê duyệt kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty
4	Số 04/2024/NQ-HĐQT	29/02/2024	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Đinh Tuấn Anh và bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Vũ Thái Dương
5	Số 05/2024/QĐ-HĐQT	01/03/2024	Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Đinh Tuấn Anh
6	Số 06/2024/QĐ-HĐQT	01/03/2024	Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng Công ty đối với ông Vũ Thái Dương
7	Số 07/2024/QĐ-HĐQT	14/03/2024	Thông qua các tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày tháng	Nội dung
8	Số 08/2024/QĐ-HĐQT	12/04/2024	Thành lập Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
9	Số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ	16/04/2024	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024
10	Số 10/2024/NQ-HĐQT	16/04/2024	Bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2024 - 2029
11	Số 11/2024/QĐ-HĐQT	04/06/2024	Ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế mua sắm hàng hóa và dịch vụ - xây dựng cơ bản của công ty
12	Số 12/2024/QĐ-HĐQT	03/06/2024	Chuyển VP đại diện Công ty tại tầng 9, Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ đến tầng 7, Tòa nhà Vinaconex Diamond Tower số 459C Bạch Mai, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
13	Số 12A/2024/QĐ-HĐQT	20/06/2024	Phê duyệt việc ủy thác quản lý, sử dụng, khai thác diện tích văn phòng với Tổng công ty cổ phần Vinaconex
14	Số 13/2024/NQ-HĐQT	02/07/2024	Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 cho Công ty
15	Số 14/2024/QĐ-HĐQT	01/08/2024	Phê duyệt chủ trương cho phép Công ty vay vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh
16	Số 15/2024/QĐ-HĐQT	13/08/2024	Phê duyệt việc thay đổi địa chỉ, thông tin về người đứng đầu và hoạt động theo ủy quyền của doanh nghiệp trên Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động Văn phòng đại diện tại Hà Nội – Công ty CP NEDI2
17	Số 16/2024/NQ-HĐQT	04/09/2024	Thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2023 của Công ty CP NEDI2
18	Số 17/2024/QĐ-HĐQT	01/10/2024	Bổ nhiệm lại ông Ngô Mạnh Cường giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty CP NEDI2
19	Số 18/2024/QĐ-HĐQT	06/11/2024	Phê duyệt chủ trương đầu tư thiết bị phục vụ khắc phục bão số 3-2024 (bão Yagi)

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập:

e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

2. Ban Kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát:

BAN KIỂM SOÁT

Vũ Văn Mạnh	Trưởng Ban kiểm soát
Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS
Lê Thanh Hải	Thành viên BKS

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành và cổ đông:
- + Đánh giá hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, thẩm định báo cáo tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2023; Thông qua các Báo cáo/Tờ trình của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- + Xem xét tính pháp lý, trình tự ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty, tuân thủ theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- + Tham gia rà soát tài liệu, chuẩn bị và tổ chức ĐHĐCĐ thường niên 2024.
- + Xem xét, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh các quý trong năm 2024.
- + Hỗ trợ công ty trong công tác lựa chọn đơn vị kiểm toán thực hiện kiểm toán các BCTC năm 2024 của công ty.
- + Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định pháp luật về yêu cầu công bố thông tin đối với công ty đại chúng.
- + Tham dự các cuộc họp của HĐQT Công ty; Tham gia ý kiến, kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong năm 2024.
- + Các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:
- + Ban Kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, được tham gia ý kiến về các vấn đề liên quan đến công tác quản lý, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- + Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- + Ban Kiểm soát được cung cấp thông tin tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và tình hình tài chính của công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

Họ Tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	650.000.000

Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	454.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	454.000.000
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT	454.000.000
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT	454.000.000
Tổng cộng		2.466.000.000

- Ban Kiểm soát:

Họ Tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	454.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	330.000.000
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên BKS	330.000.000
Tổng cộng		1.114.000.000

- Ban Giám đốc:

Họ Tên	Chức vụ	Số tiền
Ông Đỗ Vương Cường	Tổng giám đốc	1.002.450.401
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	832.290.216
Tổng cộng		1.834.740.617

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Đình Tuấn Anh	KTT Công ty (Miễn nhiệm ngày 01/03/2024)	346.300	0,69%	300.000	0,6%	Giảm do bán

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số giấy NSH	Địa chỉ trụ sở chính/Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt	Công ty mẹ	0100105616	Tòa nhà VINACONEX, 34 Láng Hạ, Phường Láng	Năm 2024	Chi trả cổ tức: 51.093.150.000 Thanh toán thù lao HĐQT,

	Nam			Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội		BKS: 2.190.000.000 Chi phí thuê văn phòng, điện nước: 231.824.635 Phí thương hiệu: 150.000.000 Tạm ứng HĐ thi công PCCC: 13.499.741 Thanh lý tài sản: 587.962.963
--	-----	--	--	--------------------------------	--	---

d. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về quản trị công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của Nhà nước về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Kèm theo Báo cáo này là Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đỗ Vương Cường

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024



Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 32

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Công ty có trụ sở chính tại thôn San Bang, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, và văn phòng đại diện tại tầng 7, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C, đường Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Vương Cường	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tới ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Đỗ Vương Cường, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám đốc

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Vương Cường

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

Số tham chiếu: 12830117/67837322

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 (“Công ty”) được lập ngày 21 tháng 2 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 32, bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Nguyễn Hoàng Linh
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3835-2021-004-1

Phạm Việt Anh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 5056-2022-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		123.674.269.526	108.522.963.465
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	47.926.990.575	32.740.705.651
111	1. Tiền		47.926.990.575	28.740.705.651
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	4.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		51.854.902.745	51.362.530.277
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	38.442.946.220	42.437.458.844
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	3.893.155.047	776.152.453
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.749.181.656	8.794.934.704
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(1.230.380.178)	(646.015.724)
140	III. Hàng tồn kho	7	23.198.741.714	24.264.858.035
141	1. Hàng tồn kho		27.498.795.910	28.805.929.959
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(4.300.054.196)	(4.541.071.924)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		693.634.492	154.869.502
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	693.634.492	154.869.502
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.358.598.398.496	1.446.981.796.394
220	I. Tài sản cố định		1.326.605.146.509	1.406.282.039.700
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.326.605.146.509	1.406.282.039.700
222	Nguyên giá		2.144.430.416.217	2.134.557.964.445
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(817.825.269.708)	(728.275.924.745)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		-	7.235.128.600
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	7.235.128.600
260	III. Tài sản dài hạn khác		31.993.251.987	33.464.628.094
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	31.993.251.987	33.464.628.094
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.482.272.668.022	1.555.504.759.859


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		643.146.765.555	778.136.831.302
310	I. Nợ ngắn hạn		231.994.793.182	196.984.858.929
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	3.739.667.236	4.005.725.020
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	4.709.345.591	2.760.479.161
314	3. Phải trả người lao động		4.036.645.060	2.821.938.640
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		858.581.298	811.167.507
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	12	7.260.497.316	7.317.936.688
320	6. Vay ngắn hạn	13.1	211.390.056.681	179.267.611.913
330	II. Nợ dài hạn		411.151.972.373	581.151.972.373
338	1. Vay dài hạn	13.2	411.151.972.373	581.151.972.373
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		839.125.902.467	777.367.928.557
410	I. Vốn chủ sở hữu	14	839.125.902.467	777.367.928.557
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		499.939.607.633	499.939.607.633
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		499.939.607.633	499.939.607.633
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		14.388.399.680	14.388.399.680
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		324.797.895.154	263.039.921.244
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		162.992.001.244	159.224.944.464
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		161.805.893.910	103.814.976.780
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.482.272.668.022	1.555.504.759.859


Lâm Thị Hà
Người lập


Vũ Thái Dương
Kế toán trưởng


Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	364.973.807.106	331.457.152.980
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	15.1	-	(5.976.603.534)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.1	364.973.807.106	325.480.549.446
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	16	(125.386.495.881)	(121.811.338.913)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		239.587.311.225	203.669.210.533
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	15.2	318.807.718	742.106.980
22	7. Chi phí tài chính	17	(51.760.373.097)	(77.370.798.254)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(51.760.373.097)	(77.304.771.106)
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	(18.851.942.996)	(15.350.539.554)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		169.293.802.850	111.689.979.705
31	11. Thu nhập khác		1.577.615.236	306.227.273
32	12. Chi phí khác		(88.255.465)	(78.202.747)
40	13. Lợi nhuận khác		1.489.359.771	228.024.526
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		170.783.162.621	111.918.004.231
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	20.1	(8.977.268.711)	(4.863.027.451)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		161.805.893.910	107.054.976.780
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	3.237	2.077
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	22	3.237	2.077


Lâm Thị Hà
Người lập


Vũ Thái Dương
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tổng lợi nhuận trước thuế		170.783.162.621	111.918.004.231
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình	8	91.404.773.268	91.500.137.359
03	Các khoản dự phòng		584.364.454	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	15.2	(710.336.350)	(742.106.980)
06	Chi phí lãi vay	17	51.760.373.097	77.304.771.106
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		313.822.337.090	279.980.805.716
09	Tăng các khoản phải thu		(1.076.736.922)	(14.712.089.177)
10	Giảm hàng tồn kho		1.066.116.321	474.671.694
11	Tăng/(giảm) các khoản phải trả		1.113.366.357	(10.439.527.586)
12	Giảm chi phí trả trước		932.611.117	3.062.310.918
14	Tiền lãi vay đã trả		(51.862.959.306)	(77.361.477.833)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(7.643.707.254)	(4.069.907.910)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(135.765.983)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		256.351.027.403	176.799.019.839
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(4.689.185.808)	(3.294.239.200)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		587.962.963	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi		318.807.718	742.106.980
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(3.782.415.127)	(2.552.132.220)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		178.758.576.515	65.205.925.469
34	Tiền trả nợ gốc vay		(316.636.131.747)	(150.938.313.556)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(99.504.772.120)	(149.699.647.550)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(237.382.327.352)	(235.432.035.637)

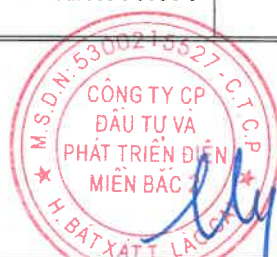
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		15.186.284.924	(61.185.148.018)
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		32.740.705.651	93.925.853.669
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	47.926.990.575	32.740.705.651

Lâm Thị Hà
Người lập

Vũ Thái Dương
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2 ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 12121000084 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai cấp lần đầu vào ngày 10 tháng 4 năm 2008 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 3 được cấp ngày 25 tháng 4 năm 2015. Công ty cũng nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5300215527 cấp ngày 6 tháng 5 năm 2004 với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 vào ngày 30 tháng 5 năm 2023.

Tại ngày 22 tháng 7 năm 2010, Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là ND2.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất điện.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại thôn Ban Sang, xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai, và văn phòng đại diện tại tầng 7, tòa nhà Vinaconex Diamond, số 459C, đường Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 72 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 79).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty ("Công ty") được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và công cụ, dụng cụ thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Khấu hao

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	1 - 5 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.10 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận dựa trên đối chiếu và xác nhận sản lượng đầu ra hàng tháng giữa bên mua và bên bán, với giá được quy định trong hợp đồng mua bán điện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.13 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty là sản xuất điện. Đồng thời, toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đều được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Theo đó, Ban Giám đốc Công ty nhận định là chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh theo sản phẩm hay khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	474.832.962	2.267.231.429
Tiền gửi ngân hàng	47.452.157.613	26.473.474.222
Các khoản tương đương tiền	-	4.000.000.000
TỔNG CỘNG	47.926.990.575	32.740.705.651

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	38.442.946.220	42.437.458.844
TỔNG CỘNG	38.442.946.220	42.437.458.844

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	1.017.548.053	776.152.453
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1</i>	250.084.000	250.084.000
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng Việt Hưng</i>	212.158.655	212.158.655
<i>Các đối tượng khác</i>	555.305.398	313.909.798
Trả trước cho bên liên quan (<i>Thuyết minh số 21</i>)	2.875.606.994	-
TỔNG CỘNG	3.893.155.047	776.152.453
<i>Dự phòng trả trước cho người bán</i>	<i>(584.364.454)</i>	-

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	7.427.957.568	-	4.518.905.275	-
Tạm ứng cho nhân viên	2.087.100.000	-	2.831.100.000	-
Phải thu khác	1.234.124.088	(646.015.724)	1.444.929.429	(646.015.724)
TỔNG CỘNG	10.749.181.656	(646.015.724)	8.794.934.704	(646.015.724)

7. HÀNG TỒN KHO

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	1.075.685.781	(647.855.588)	1.076.482.762	(793.421.954)
Công cụ, dụng cụ	26.423.110.129	(3.652.198.608)	27.729.447.197	(3.747.649.970)
TỔNG CỘNG	27.498.795.910	(4.300.054.196)	28.805.929.959	(4.541.071.924)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.541.071.924	4.541.071.924
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	-
Trừ: Số đã sử dụng trong năm	(241.017.728)	-
Số cuối năm	4.300.054.196	4.541.071.924

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:					
Số đầu năm	1.440.211.911.241	645.660.326.558	48.475.775.688	209.950.958	2.134.557.964.445
- Xây dựng cơ bản hoàn thành	-	10.571.597.237	-	-	10.571.597.237
- Mua trong năm	-	1.319.444.444	-	33.272.727	1.352.717.171
- Thanh lý trong năm	-	-	(2.051.862.636)	-	(2.051.862.636)
Số cuối năm	1.440.211.911.241	657.551.368.239	46.423.913.052	243.223.685	2.144.430.416.217
Trong đó:					
Đã khấu hao hết	8.049.542.949	982.611.890	2.669.482.727	209.950.959	11.911.588.525
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	431.790.435.483	285.221.616.584	11.053.921.720	209.950.958	728.275.924.745
- Khấu hao trong năm	54.127.418.964	34.993.647.454	2.275.388.669	8.318.181	91.404.773.268
- Thanh lý trong năm	-	-	(1.855.428.305)	-	(1.855.428.305)
Số cuối năm	485.917.854.447	319.545.398.850	12.143.747.272	218.269.139	817.825.269.708
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	1.008.421.475.758	360.438.709.974	37.421.853.968	-	1.406.282.039.700
Số cuối năm	954.294.056.794	338.005.969.389	34.280.165.780	24.954.546	1.326.605.146.509

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay như được trình bày tại Thuyết minh số 13.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn		
Chi phí mua bảo hiểm	149.287.758	154.869.502
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	544.346.733	-
TỔNG CỘNG	693.634.492	154.869.502
Dài hạn		
Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư	18.933.438.124	19.501.441.268
Chi phí thuê văn phòng (*)	9.054.956.095	9.374.542.782
Chi phí đại tu máy móc thiết bị	3.299.491.465	3.714.109.536
Các khoản trả trước khác	705.366.303	874.534.508
TỔNG CỘNG	31.993.251.987	33.464.628.094

(*) Chi phí thuê văn phòng bao gồm các khoản trả trước tiền thuê 211,77 m² của tầng 9, toà nhà Vinaconex, số 34, đường Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam theo Hợp đồng cho thuê văn phòng số 114A/2016/HĐKT-BĐT ngày 24 tháng 3 năm 2016 giữa Công ty và và Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam với thời hạn 37 năm tính từ ngày 1 tháng 5 năm 2016. Từ tháng 6 năm 2024, Công ty chuyển văn phòng đại diện tầng 7, toà nhà Vinaconex Diamond, số 459C, đường Bạch Mai, phường Trương Định, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty TNHH Andritz Hydro Private	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747	2.069.293.747
Các đối tượng khác	1.670.373.489	1.670.373.489	1.936.431.273	1.936.431.273
TỔNG CỘNG	3.739.667.236	3.739.667.236	4.005.725.020	4.005.725.020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số phải nộp trong năm</i>	<i>Số đã nộp/cán trừ trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Thuế tài nguyên	1.482.978.979	40.402.765.458	(40.015.927.289)	1.869.817.148
Thuế giá trị gia tăng	1.155.891.761	33.751.638.827	(33.604.952.305)	1.302.578.283
Thuế thu nhập cá nhân	9.050.266	1.082.714.551	(1.000.934.269)	90.830.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp	112.558.155	8.977.268.711	(7.643.707.254)	1.446.119.612
Thuế khác	-	4.439.320.416	(4.439.320.416)	-
TỔNG CỘNG	2.760.479.161	88.653.707.963	(86.704.841.533)	4.709.345.591

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Các khoản phải trả khác	7.216.158.852	7.317.936.688
<i>Cổ tức phải trả</i>	3.126.469.408	2.643.321.528
<i>Phải trả quỹ phát triển rừng</i>	3.233.315.304	3.035.926.296
<i>Kinh phí công đoàn</i>	7.674.834	122.350.626
<i>Phải trả khác</i>	848.699.306	1.516.338.238
Phải trả khác cho bên liên quan (Thuyết minh số 21)	44.338.464	-
TỔNG CỘNG	7.260.497.316	7.317.936.688

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm			Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ		
Vay ngắn hạn								
Vay ngân hàng								
(Thuyết minh số 13.1)	29.267.611.913	29.267.611.913	178.758.576.515	(166.636.131.747)	41.390.056.681	41.390.056.681		
Vay dài hạn đến hạn trả	150.000.000.000	150.000.000.000	170.000.000.000	(150.000.000.000)	170.000.000.000	170.000.000.000		
(Thuyết minh số 13.2)	179.267.611.913	179.267.611.913	348.758.576.515	(316.636.131.747)	211.390.056.681	211.390.056.681		
Vay dài hạn								
Vay ngân hàng								
(Thuyết minh số 13.2)	581.151.972.373	581.151.972.373	-	(170.000.000.000)	411.151.972.373	411.151.972.373		
	581.151.972.373	581.151.972.373	-	(170.000.000.000)	411.151.972.373	411.151.972.373		
TỔNG CỘNG	760.419.584.286	760.419.584.286	348.758.576.515	(486.636.131.747)	622.542.029.054	622.542.029.054		

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	13.032.372.520	Lãi suất được điều chỉnh mỗi 3 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm dao động từ 6,3%-8%/năm.	Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay được trả ngay khi phát sinh Có trên số dư tài khoản thanh toán tại Ngân hàng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án Ngòi Phát.
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Chương Dương	28.357.684.161	Lãi suất được xác định theo từng khe ước nhận nợ của Ngân hàng. Lãi suất áp dụng trong năm dao động từ 4,5%-4,8%/năm	Lãi vay trả hàng tháng. Gốc vay được trả ngay khi phát sinh Có trên số dư tài khoản thanh toán tại Ngân hàng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc thiết bị, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.

TỔNG CỘNG

41.390.056.681

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Miền Bắc 2

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY (tiếp theo)

13.2 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Lãi suất (%/năm)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	505.751.972.373	Lãi suất tham chiếu được quy định trong hợp đồng cộng biên độ 2,8%. Lãi suất áp dụng trong năm là 7,48%/năm - 7,75%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên là ngày 28 tháng 11 năm 2008. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý. Lần trả nợ gốc đầu tiên được ấn định là ngày 25 tháng 2 năm 2015. Ngày đáo hạn cuối cùng là 28 tháng 11 năm 2027. Lãi vay được trả hàng quý.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	160.000.000.000			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương	75.400.000.000	Lãi suất cơ sở cộng với biên độ. Biên độ là 2,95% và được điều chỉnh mỗi 6 tháng. Lãi suất áp dụng trong năm là 7,6%/năm – 8,15%/năm.	Khoản vay được ân hạn gốc vay trong vòng 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên nhưng không quá 6 tháng kể từ ngày phát sinh doanh thu từ Dự án. Gốc vay được thanh toán hàng quý trong vòng 52 quý kể từ ngày 12 tháng 10 năm 2018. Ngày đáo hạn cuối cùng là 3 tháng 11 năm 2031. Lãi vay được thanh toán hàng tháng.	Toàn bộ dự án công trình thủy điện Ngòi Phát mở rộng, bao gồm quyền sử dụng đất, máy móc, nhà cửa, công trình xây dựng, các động sản và mọi bất động sản khác được xây dựng, nâng cấp và gắn liền tại dự án hay trên khu đất.
<i>Trong đó: Vay dài hạn đến hạn trả</i>	10.000.000.000			
TỔNG CỘNG	581.151.972.373			
<i>Trong đó:</i>				
- Vay dài hạn đến hạn trả	170.000.000.000			
- Vay dài hạn	411.151.972.373			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	259.212.864.464	773.540.871.777
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	107.054.976.780	107.054.976.780
- Cổ tức công bố	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	-	-	(3.240.000.000)	(3.240.000.000)
Số cuối năm	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>263.039.921.244</u>	<u>777.367.928.557</u>
Năm nay				
Số đầu năm	499.939.607.633	14.388.399.680	263.039.921.244	777.367.928.557
- Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	161.805.893.910	161.805.893.910
- Cổ tức công bố (*)	-	-	(99.987.920.000)	(99.987.920.000)
- Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (*)	-	-	(60.000.000)	(60.000.000)
Số cuối năm	<u>499.939.607.633</u>	<u>14.388.399.680</u>	<u>324.797.895.154</u>	<u>839.125.902.467</u>

(*) Theo Nghị quyết số 09/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Đại hội đồng Cổ đông thường niên và Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên số 08/2024/BB-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, Công ty đã công bố chia cổ tức cho các cổ đông và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2023.

14.2 Vốn cổ phần đã phát hành

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	255.465.750.000	255.465.750.000	-	255.465.750.000	255.465.750.000	-
Công ty Toyota Tsusho Corporation	174.978.860.000	174.978.860.000	-	174.978.860.000	174.978.860.000	-
Các cổ đông khác	<u>69.494.990.000</u>	<u>69.494.990.000</u>	-	<u>69.494.990.000</u>	<u>69.494.990.000</u>	-
TỔNG CỘNG	<u>499.939.600.000</u>	<u>499.939.600.000</u>	<u>-</u>	<u>499.939.600.000</u>	<u>499.939.600.000</u>	<u>-</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ tức

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Cổ tức đã công bố trong năm	99.987.920.000	99.987.920.000
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức cho năm 2023: VND 2.000/cổ phiếu	99.987.920.000	-
Cổ tức cho năm 2022: VND 2.000/cổ phiếu	-	99.987.920.000

14.4 Cổ phiếu

	<i>Số lượng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Cổ phiếu đã được duyệt	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	49.993.960	49.993.960
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: VND 10.000 (ngày 31 tháng 12 năm 2023: VND 10.000).

15. DOANH THU

15.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng doanh thu	364.973.807.106	331.457.152.980
<i>Trong đó</i>		
<i>Doanh thu bán điện</i>	364.973.807.106	331.457.152.980
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(5.976.603.534)
Doanh thu thuần	364.973.807.106	325.480.549.446
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	364.973.807.106	325.480.549.446

15.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lãi tiền gửi	318.807.718	742.106.980
TỔNG CỘNG	318.807.718	742.106.980

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	125.386.495.881	121.811.338.913
TỔNG CỘNG	125.386.495.881	121.811.338.913

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lãi vay	51.760.373.097	77.304.771.106
Chi phí tài chính khác	-	66.027.148
TỔNG CỘNG	51.760.373.097	77.370.798.254

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí lương và phụ cấp lương	7.864.862.292	9.232.662.926
Chi phí khấu hao	291.167.682	642.823.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.045.313.780	1.947.513.096
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	7.650.599.242	3.527.540.451
TỔNG CỘNG	18.851.942.996	15.350.539.554

19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.862.028.415	1.527.644.355
Chi phí nhân công	22.922.308.954	22.743.936.278
Chi phí khấu hao	91.404.773.268	91.500.137.359
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.964.435.096	16.697.428.174
Chi phí khác	9.084.893.144	4.692.732.301
TỔNG CỘNG	144.238.438.877	137.161.878.467

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất như sau:

Đối với dự án ban đầu

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2014 đến năm 2028). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính (từ năm 2014 đến năm 2017) và giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2018 đến năm 2026). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện tại là 5%.

Đối với dự án đầu tư mở rộng:

Mức thuế ưu đãi 10% được áp dụng trong thời gian 15 năm kể từ khi dự án bắt đầu bước vào giai đoạn kinh doanh (từ năm 2020 đến năm 2034). Theo Thông tư 78/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2020 đến năm 2023) và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2024 đến năm 2032). Theo đó, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện tại là 5%.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho các hoạt động khác là 20%.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

20.1 Chi phí thuế TNDN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	8.977.268.711	4.863.027.451
TỔNG CỘNG	8.977.268.711	4.863.027.451

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	170.783.162.621	111.918.004.231
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	17.078.316.262	11.191.800.423
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm):		
Thu nhập từ hoạt động khác không được hưởng ưu đãi thuế	150.811.631	-
Chi phí không được khấu trừ	211.906.811	156.826.248
Ưu đãi giảm 50% thuế suất	(8.463.765.993)	(4.588.638.173)
Thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng được miễn thuế	-	(2.014.524.076)
Truy thu thuế TNDN theo Quyết định Thanh tra thuế số 5772/QĐ-XPHC	-	117.563.029
Chi phí thuế TNDN	8.977.268.711	4.863.027.451

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

20.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty và các bên liên quan khác có giao dịch với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (“Tổng Công ty Vinaconex”)	Công ty mẹ
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Toyota Tsusho	Công ty cùng Tập đoàn với Cổ đông lớn
Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty cùng Tập đoàn
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch Hội đồng quản trị (“HĐQT”)
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT
Ông Đỗ Vương Cường	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng ban Ban kiểm soát (“BKS”)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên BKS

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	51.093.150.000	51.093.150.000
		Thu nhập từ thanh lý tài sản	587.962.963	-
		Chi phí thuê văn phòng, điện nước	231.824.635	229.930.359
		Phí thương hiệu	150.000.000	150.000.000
		Thanh toán thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát	2.190.000.000	1.862.000.000
Công ty Toyota Tsusho Corporation	Cổ đông lớn	Cổ tức đã trả	34.995.772.000	52.493.658.000
		Thanh toán thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát	1.170.000.000	1.110.000.000
		Doanh thu bán chứng chỉ I-REC	520.884.555	-
Công ty TNHH Môi giới Bảo hiểm Toyota Tsusho	Công ty cùng Tập đoàn với Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	143.337.538	114.607.459
Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng	Công ty cùng Tập đoàn	Tạm ứng mua dịch vụ	2.821.574.027	-
Công ty TNHH MTV Vinaconex Đầu tư	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	69.944.514	-
Công ty Cổ phần Phát triển Thương mại Vinaconex	Công ty cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ	64.025.976	-

Các nghiệp vụ mua/bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận trên hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 5.2)				
Tổng Công ty Vinaconex	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	13.499.741	-
Công ty TNHH Một thành viên Vinaconex Xây dựng	Công ty cùng tập đoàn	Mua dịch vụ	2.862.107.253	-
TỔNG CỘNG			2.875.606.994	-
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 12)				
Công ty TNHH Môi giới bảo hiểm Toyota Tsusho	Công ty cùng tập đoàn	Phải trả khác	44.338.464	-
TỔNG CỘNG			44.338.464	-

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của HĐQT, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Thu nhập</i>	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Ông Đỗ Vương Cường	Tổng giám đốc	1.002.450.401	972.736.875
Ông Ứng Hồng Vận	Tổng giám đốc đến ngày 29 tháng 5 năm 2023	-	1.018.499.375
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng giám đốc	832.290.216	948.718.750
Ông Dương Văn Mậu	Chủ tịch HĐQT	650.000.000	700.000.000
Ông Vũ Đức Thịnh	Thành viên HĐQT	454.000.000	490.000.000
Ông Vũ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	454.000.000	490.000.000
Ông Katsuhito Miyajima	Thành viên HĐQT	454.000.000	490.000.000
Ông Yusuke Takahashi	Thành viên HĐQT	454.000.000	490.000.000
Ông Vũ Văn Mạnh	Trưởng BKS	454.000.000	490.000.000
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trang	Thành viên BKS	330.000.000	300.000.000
Ông Lê Thanh Hải	Thành viên BKS	330.000.000	216.666.667
Ông Kenichi Suzuki	Thành viên BKS đến ngày 10 tháng 4 năm 2023	-	83.333.333
TỔNG CỘNG		5.414.740.617	6.689.955.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi và thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	161.805.893.910	107.054.976.780
Điều chỉnh giảm do trích thù lao thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	-	(3.240.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	161.805.893.910	103.814.976.780
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	161.805.893.910	103.814.976.780
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	49.993.960	49.993.960
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	49.993.960	49.993.960
Lãi trên cổ phiếu		
- Lãi cơ bản	3.237	2.077
- Lãi suy giảm	3.237	2.077

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Lâm Thị Hà
Người lập

Vũ Thái Dương
Kế toán trưởng



Đỗ Vương Cường
Tổng Giám Đốc

Lào Cai, Việt Nam

Ngày 21 tháng 2 năm 2025

